



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
 Chuyên ngành: **Kinh doanh quốc tế**
 Mã số ngành: **52340101**
 Khoa: **Kinh tế**

Tổng khối lượng kiến thức:

126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN		
Học kỳ 1											
01	MAN201	Quản trị học	BB	3	3					K. GDĐC	
02	MAR201	Marketing căn bản	BB	3	3					K. GDĐC	
03	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
04	BUS303	Nhập môn ngành KDQT	BB	2	2					K. Kinh tế	
05	BUS307	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 1		12	11	0	1	0	0		
Học kỳ 2											
01	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
02	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	
03	BUS418	Kinh doanh quốc tế	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông			3					K. GDĐC	
	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ			3					K. GDĐC	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	MAN408	Quản trị chất lượng			3					K. Kinh tế	
	FIN417	Quản trị tài chính			3					K. Kinh tế	
	SUC409	Quản trị kênh phân phối			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 2		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 3											

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
01	ACC201	Kế toán đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
02	ECO302	Kinh tế lượng	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	ECO303	Kinh tế vi mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	BUS409	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	BB	1	1					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	FIN422	Tài chính quốc tế			3					K. Kinh tế	
	BUS414	Chuỗi cung ứng trong kinh doanh quốc tế			3					K. Kinh tế	
	BUS413	Chính sách ngoại thương			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 3		13	13	0	0	0	0		
Học kỳ 4											
01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
02	BUS426	Quan hệ kinh tế quốc tế	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	MAR418	Quản trị marketing	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	ECO304	Kinh tế vĩ mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ			3					K. Kinh tế	
	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 4		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
02	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	
03	BUS428	Thực tập 1 KDQT	BB	2			2			K. Kinh tế	
04	BUS432	Luật thương mại quốc tế	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	MAR405	E - Marketing			3					K. Kinh tế	
	BUS430	Truyền thông trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	BUS417	Hành vi tổ chức			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 5		14	12	0	2	0	0		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 6											
01	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K. GDĐC	
02	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
03	ACC407	Kế toán Mỹ	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
	PSY201	Tâm lý học đại cương			3					K. GDĐC	
	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại			3					K. GDĐC	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	PUR410	Quan hệ công chúng			3					K. Kinh tế	
	BUS306	Thương mại điện tử			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 6		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 7											
01	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	
02	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3					K. GDĐC	
03	BUS429	Thực tập nghề nghiệp KDQT	BB	2			2			K. Kinh tế	
04	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa			3					K. GDĐC	
	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng			3					K. GDĐC	
	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 7		14	12	0	2	0	0		
Học kỳ 8											
01	NAS203	Thống kê ứng dụng	BB	3	3					K. GDĐC	
02	MAN409	Quản trị chiến lược	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	FIN411	Nghiệp vụ ngoại thương	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	BUS411	Bảo hiểm trong kinh doanh	BB	3	3					K. Kinh tế	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)									

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
05	MAN415	Quản trị sự thay đổi	TC	3	3					K. Kinh tế	
	MAN406	Quản trị bán hàng			3					K. Kinh tế	
	MAN414	Quản trị sản phẩm			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 8		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 9											
01	BUS535	Thực tập tốt nghiệp	BB	3			3			K. Kinh tế	
02		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	BUS431	Văn hóa doanh nghiệp			3					K. Kinh tế	
	MAR423	Quảng cáo			3					K. Kinh tế	
	BUS416	Hành vi khách hàng			3					K. Kinh tế	
03	BUS533	Khóa luận tốt nghiệp	TC	9					9	K. Kinh tế	
		<i>Các học phần thay thế KLTN:</i>	TC	9							
04	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	TC	3	3					K. Kinh tế	
05	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	TC	3	3					K. Kinh tế	
06		<i>(Chọn 1 trong 3 HP)</i>	TC	3							
	MAN412	Quản trị dự án đầu tư			3					K. Kinh tế	
	MAR414	Marketing quốc tế			3					K. Kinh tế	
	SUC407	Nghiệp vụ hải quan			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 9		15	12	0	3	0	9		

- Ghi chú:**
1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
 2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.
 3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Sĩ Hải